

Cấu trúc kinh tế - xã hội: Thời tiền - sơ sử Bình Dương

NGUYỄN VĂN QUỐC – *Bảo tàng Bình Dương*

Cấu trúc kinh tế - xã hội được đặt ra ở đây trên cơ sở tài liệu thu thập được trong các di tích khảo cổ học thuộc thời tiền và sơ sử Bình Dương gồm những vấn đề như: phân công lao động, phân tầng xã hội với những nét riêng có của khu vực này trong quan hệ so sánh với các vùng văn hóa cổ khác. Cấu trúc văn hóa vật chất của cộng đồng cư dân thời tiền - sơ sử Bình Dương gần như là một cấu trúc tương đối hoàn chỉnh của một xã hội thực sự có một tổ chức ổn định - đó là ngoài việc có một nền nông nghiệp dùng cuốc có số lượng nông cụ lớn đa dạng về loại hình và kích thước và cũng là những sản phẩm ra đời từ một nghề thủ công có trình độ phát triển cao - nghề chế tác đá.

Nhờ vào những nông cụ như những loại rìu - cuốc có kích thước lớn với những chiếc có chiều dài 15cm, độ dày trên 3,0cm, rìu lưỡi ngang, mặt cắt dọc lưỡi hình chữ V lệch thích hợp cho việc khai phá đất đồi để trồng trọt trên diện rộng, hoặc những loại rìu có kích thước nhỏ hơn dùng vào việc chặt đốn những cây nhỏ hơn, phát dọn cỏ và cả việc dùng nó trong việc tạo ra những chế phẩm bằng tre dùng trong sinh hoạt kinh tế gia đình. Nhìn vào mật độ hiện vật phát hiện trong tầng văn hóa các di tích đã được khai quật cho thấy hoạt động nông nghiệp của khu vực này trong thời bấy giờ là loại nông nghiệp nương rẫy được triển khai trên những triền đồi gần sông suối và cả trên những vùng đất ven sông và những vùng phù sa mới được bồi đắp như Cù lao Rùa. Chắc chắn rằng khái niệm nông nghiệp ở đây không chỉ được hiểu đơn thuần là nông nghiệp trồng lúa, mà cả nông nghiệp trồng cây rau củ và là nền nông nghiệp được cấu trúc một cách tự giác trên cơ sở sản xuất những cái mà con người cần, được phối hợp bởi một cơ cấu sản phẩm theo thời tiết, theo những nhu cầu sử dụng qua từng giai đoạn. Dĩ nhiên trên một môi trường đồi gò trung du nhiều sông suối như miền Đông Nam bộ có hệ sinh thái vùng đa dạng như hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới, hệ sinh thái rừng tre nứa hỗn giao... thì hệ quả tất yếu là điều kiện sống của con người sinh tụ trên nó cũng phải là một mô thức tương ứng. Và trong điều kiện đó thì kinh tế khai thác cũng sẽ chiếm một vị trí không kém phần quan trọng như săn bắt thú rừng, đánh bắt cá và cả việc chế tạo bè mảng... vừa làm phương tiện di chuyển, vừa làm phương tiện đánh bắt cá trên sông là hoàn toàn có cơ sở dù rằng những dữ liệu loại này thông qua khảo cổ học vẫn chưa phát hiện được.

Những nổi vò có kích thước lớn, những xương răng thú rừng hươu, nai, voi... phát hiện trong tầng văn hóa các di tích khảo cổ là những minh chứng đầy tính thuyết phục cho tính hiệu quả của nền nông nghiệp trồng lúa, trồng rau củ và cả những hoạt động khai thác tự nhiên trong môi trường sống của khu vực. Khi kinh tế

nông nghiệp - chăn nuôi cùng với kinh tế khai thác được hỗ trợ bằng một vùng dầy tiềm năng như miền Đông Nam bộ thì sự tác động qua lại một cách chủ động giữa nông nghiệp và các ngành nghề trong xã hội sẽ là điều kiện tạo nên sự phân công lao động trong cộng đồng xảy ra nhanh hơn và như vậy sản phẩm lao động phục vụ cho cuộc sống nhiều hơn và đa dạng hơn.

Thông qua tư liệu khảo cổ học chỉ có thể nhận thức được cấu trúc các ngành nghề trong từng cộng đồng cụ thể hoặc từng nhóm dân cư cụ thể và sẽ khó có thể chứng minh được sự phân công lao động xảy ra trong các cộng đồng này một cách đúng nghĩa là thủ công nghiệp tách ra khỏi hoạt động nông nghiệp. Trong các di tích khảo cổ học được nghiên cứu trên địa bàn Bình Dương, có thể thấy cộng đồng dân cư Dốc Chùa vừa có thể chế tác đá, làm đồ gốm, dệt vải và cả đúc những đồ đồng phục vụ cho cuộc sống của mình.

Điều đó có nghĩa cấu trúc các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp vẫn chưa thoát ly tính tự túc - tự cấp, chỉ có thể nói các ngành nghề ở đây mang tính chuyên môn hóa nhất là trong các khâu làm khuôn đúc, pha chế hợp kim và đúc các vật phẩm đối với ngành luyện kim và cũng vậy trong quy trình dệt cũng có những yêu cầu chuyên hóa nhất là ở những khâu dệt ra những mảnh vải phẩm mà trong đó kết cấu sợi ngang sợi dọc và kiểu đan là những công đoạn mang tính chuyên hóa cao của ngành tiểu thủ công nghiệp này.

Đối với những ngành khác có quy trình sản xuất đơn giản hơn không đòi hỏi trình độ tay nghề cao như chế tác đá, làm đồ gốm... có thể được sản xuất theo thời vụ hoặc theo nhu cầu sử dụng cũng như khi có các yêu cầu trao đổi sản phẩm và lực lượng tham gia chắc chắn sẽ đông hơn. Điều đó cũng cho thấy sự chuyển dịch các mô hình kinh tế “chế tác đá - sản xuất đồ gốm - xe sợi dệt vải” trong suốt thời đại đá mới - đồng và “chế tác đá - sản xuất đồ gốm - xe sợi dệt vải - luyện kim đúc đồng” trong giai đoạn hậu kỳ đồng - sơ kỳ sắt với khuynh hướng giảm dần vai trò của đồ đá để từ đó vai trò của đồ đồng - đồ sắt dần chiếm vị trí độc tôn trong tổ hợp “tư liệu sản xuất” thời bấy giờ. Bình Dương thời tiền - sơ sử với phát hiện Dốc Chùa thực sự đã trở thành một đỉnh phát triển của toàn khu vực Đông Nam bộ.

Sự hoàn chỉnh trong cơ cấu ngành nghề của cộng đồng cư dân cổ Bình Dương đã mang lại một hệ quả tích cực trong tích lũy xã hội tạo cơ sở cho quá trình phân tầng xã hội được phản ánh thông qua các khu mộ táng manh nha từ tư liệu khai quật được trong di tích Cù lao Rùa. Tại đây ngoài những điểm chung là loại mộ rải gốm kê đá chôn trong các hốc đá ong với đồ tùy táng là nồi vò bát bồng và những công cụ đá thông dụng thì cũng có những ngôi mộ chôn theo những bát bồng lớn và cả những chiếc rìu cuốc bằng đá với kích thước lớn, chưa có dấu vết sử dụng.

Những loại hình hiện vật đặc biệt trên có thể là những sản phẩm mang ý nghĩa nghi lễ hơn là ý nghĩa sử dụng và chỉ được chôn trong một vài ngôi mộ trong số 12 ngôi mộ phát hiện được trong di tích khảo cổ học này. Có thể xem đây là những tín hiệu ban đầu của phân hóa xã hội trong những xã hội tiền giai cấp. Bước sang thời kỳ muộn hơn với di tích Dốc Chùa, sự phân tầng xã hội đã rõ ràng hơn và với di tích Phú Chánh thực sự đã có sự phân hóa giai cấp trong xã hội. Trong 40 ngôi mộ phát

hiện trong các cuộc khai quật di tích Dốc Chùa ngoài những hiện vật đá còn có 141 hiện vật bằng đồng được chôn trong 24 ngôi mộ, trong đó có một ngôi mộ chôn theo nhiều đồ đồng nhất gồm 3 chiếc rìu và một qua đồng. Như đã phân tích ở trên nguyên liệu đồng ở miền Đông Nam bộ có được chỉ có thể là thông qua việc trao đổi với các khu vực khác và đây phải là loại sản phẩm rất có giá trị.

Việc cho người bước sang thế giới bên kia mang theo một số lượng đồ đồng như trên có ý nghĩa rất lớn trong việc nhận thức vai trò của chủ nhân các ngôi mộ cũng như vấn đề phân tầng xã hội của các cộng đồng cư dân này trong quá khứ. Nếu so sánh đặc điểm này với các khu mộ táng của văn hóa Đông Sơn thuần túy về số lượng hiện vật chôn theo trong các ngôi mộ thì đó sẽ là một so sánh khá khiếm vì cộng đồng dân cư cổ Bình Dương đã phải chấp nhận bước vào “công nghệ luyện kim” với sự nghiệt ngã về nguồn nguyên liệu cung ứng. Thật vậy, giá trị sản phẩm đồng thau của họ được nâng lên khi đặt trong bối cảnh đầy thách thức đó. Trong di tích Phú Chánh cách chôn cất đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ hơn như việc dùng mộ có áo quan bằng gỗ, nắp đậy trống đồng, đồ tùy táng chôn theo phần lớn là các công cụ của nghề xe sợi - dệt vải, đồ gốm và cả những sản phẩm ngoại nhập như lược bó, gương đồng. Cũng có những ngôi mộ chỉ được nện bằng đất sét, chèn xác cau, thực vật băm nhuyễn, nắp chum không phải là trống đồng mà bằng gốm hoặc bằng cao lanh trắng đắp trên một lớp thực vật.

Thực tế tư liệu cho thấy có một sự phân hóa xã hội mạnh mẽ vào giai đoạn hậu kỳ đồng - sơ kỳ sắt mà những tư liệu phát hiện trong di tích Phú Chánh là cơ sở dữ liệu.

Từ những tư liệu thu thập được trong các di tích khảo cổ học đã được điều tra, phát hiện và khai quật cho thấy cộng đồng cư dân cổ Bình Dương đã có một cơ tầng kinh tế ổn định, một cấu trúc kinh tế - xã hội mang đầy đủ những định hướng phát triển mà trong đó ngành luyện kim cổ đóng vai trò quan trọng nhất trong tiến trình phát triển không chỉ riêng cho Bình Dương mà cả khu vực Đông Nam bộ thời tiền - sơ sử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bùi Chí Hoàng, 1988. Bối cảnh kinh tế - xã hội thời tiền sử Đông Nam bộ, KHXH.*
2. *Bùi Chí Hoàng, Đào Linh Côn, 2000. Khai quật di tích mộ táng Phú Chánh. Tư liệu TTNCKC, Viện PTBV vùng Nam bộ.*
3. *Bùi Chí Hoàng, Đào Linh Côn, Nguyễn Trung Đỗ, 2000. Báo cáo khảo sát các di tích tiền sử tỉnh Bình Dương. Tư liệu TTNCKC, Viện PTBV vùng Nam bộ.*
4. *Đào Linh Côn, 1977. Báo cáo khai quật Dốc Chùa.*
5. *Các b/c khai quật di tích Cù lao Rùa; Mỹ Lộc; Hàn Ông Đại. TTNCKC*